

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh mức khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bàn giao rừng phòng hộ sau đầu tư thuộc dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định (Dự án JICA2);

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 136/TTr-STC ngày 18/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Bổ sung mục tiêu cho ngân sách các huyện và thành phố Quy Nhơn để bổ sung kinh phí cho BQL rừng phòng hộ các huyện, thành phố thực hiện

Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2020 với số tiền: 21.388.152. 000 đồng.

2. Bổ sung kinh phí cho Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2020 với số tiền: 202.281.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này)

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2020 được giao tại Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh với số tiền: 20.500.000.000 đồng.

- Từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững chuyển nguồn sang năm 2020 tại Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh với số tiền: 1.090.433.000 đồng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính lập thủ tục phân bổ khoản kinh phí nêu tại Điều 1 cho các địa phương, đơn vị. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo sử dụng khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn và vùng lân cận; Giám đốc Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K13 (20b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục 01

(Kèm theo Quyết định số: 996/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Nhu cầu vốn thực hiện năm 2020		Ghi chú
		Khối lượng (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	2	3	4	5
	<u>TỔNG CỘNG (A+B+C)</u>	59.284,130	21.590,433	-
A	Khoán bảo vệ rừng	59.106,330	20.124,634	
B	Khoán khoanh nuôi tái sinh rừng	177,800	53,340	
C	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu	-	1.412,459	
I	Dự án BV và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn và vùng lân cận	2.395,130	768,837	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	2.395,130	718,539	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	2.395,130	718,539	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	2.316,590	694,977	
a	Khoán theo QĐ 886	2.316,59	694,977	
1.1.2	Khoán mới	78,540	23,562	
a	Khoán mới rừng trồng	78,540	23,562	
-	Khoán theo QĐ 886	78,540	19,635	
-	Kinh phí lập hồ sơ khoán		3,927	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		50,298	
II	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	3.173,700	1.018,758	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	3.173,700	952,110	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	3.173,700	952,110	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	3.173,700	952,110	
a	Khoán theo QĐ 886	3.173,700	952,110	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		66,648	
III	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	2.104,560	675,564	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	2.104,560	631,368	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	1.926,760	578,028	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	1.926,760	578,028	
a	Khoán theo QĐ 886	1.840,910	552,273	
b	Khoán theo QĐ 120	85,850	25,755	
1.2	Khoán Khoanh nuôi tái sinh rừng	177,800	53,340	
	Khoanh nuôi chuyển tiếp (khoán theo QĐ 886)	177,800	53,340	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		44,196	
IV	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Ân	16.108,380	6.397,871	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	16.108,380	5.979,319	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	16.108,380	5.979,319	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	16.108,380	5.979,319	
a	Khoán theo QĐ 886	4.640,330	1.392,099	
b	Khoán theo NĐ 75	11.468,050	4.587,220	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		418,552	
V	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng huyện Phù Cát	10.894,080	3.497,000	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	10.894,080	3.268,224	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	10.894,080	3.268,224	

STT	Hạng mục	Nhu cầu vốn thực hiện năm 2020		Ghi chú
		Khối lượng (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	2	3	4	5
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	10.894,080	3.268,224	
a	Khoán theo QĐ 886	10.814,910	3.244,473	
b	Khoán theo QĐ 120	79,170	23,751	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		228,776	
VI	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Tân Sơn	16.130,230	6.306,472	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	16.130,230	5.893,899	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	16.130,230	5.893,899	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	16.130,230	5.893,899	
a	Khoán theo QĐ 886	5.581,930	1.674,579	
b	Khoán theo QĐ 75	10.548,300	4.219,320	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		412,573	
VII	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	5.936,890	1.905,742	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	5.936,890	1.781,067	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	5.936,890	1.781,067	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	5.936,890	1.781,067	
a	Khoán theo QĐ 886	5.043,880	1.513,164	
b	Khoán theo QĐ 120	893,010	267,903	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		124,675	
VIII	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh	1.911,000	817,908	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	1.911,000	764,400	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	1.911,000	764,400	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	1.911,000	764,400	
c	Khoán theo QĐ 75	1.911,000	764,400	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		53,508	
IX	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	630,160	202,281	
1	Kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi tái sinh rừng	630,160	189,048	
1.1	Khoán bảo vệ rừng	630,160	189,048	
1.1.1	Khoán chuyển tiếp	630,160	189,048	
a	Khoán theo QĐ 886	630,160	189,048	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu		13,233	

Phụ lục: 02

(Kèm theo Quyết định số: 996/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	21.590,433	
1	UBND TP Quy Nhơn	768,837	
	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn và vùng lân cận	768,837	
2	UBND huyện Tây Sơn	6.306,472	
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	6.306,472	
3	UBND huyện Phù Cát	3.497,000	
	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng huyện Phù Cát	3.497,000	
4	UBND huyện Phù Mỹ	1.905,742	
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	1.905,742	
5	UBND huyện Hoài Ân	6.397,871	
	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Ân	6.397,871	
6	UBND huyện Hoài Nhơn	675,564	
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	675,564	
7	UBND huyện Vân Canh	1.018,758	
	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	1.018,758	
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	817,908	
	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh	817,908	
9	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn	202,281	